

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGDĐT ngày /4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

Số TT	Tên đơn vị	Phân loại mức tự chủ tài chính		Kinh phí NSNN cấp chi hoạt động thường xuyên năm 2026 (Tr.đồng)	
		Tỷ lệ đảm bảo chi thường xuyên (%)	Nhóm đơn vị	Tổng	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện CCTL quản lý tập trung tại ngân sách TP</i>
	TỔNG CỘNG			1.304.414	25.100
I	Đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên				
II	Đơn vị tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên			12.557	264
1	Trung tâm GDTX Số 2	12,98	Nhóm 3	8.677	179
2	Trung tâm GDTX Số 4	44,09	Nhóm 3	3.880	85
III	Đơn vị do NSNN đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên			1.291.857	24.836
1	Trường THPT Phan Châu Trinh	6,96	Nhóm 4	48.978	946
2	Trường THPT Trần Phú	6,58	Nhóm 4	28.893	524
3	Trường THPT Nguyễn Hiền	6,42	Nhóm 4	22.984	406
4	Trường THPT Hòa Vang	6,08	Nhóm 4	18.462	308
5	Trường THPT Ông Ích Khiêm	7,23	Nhóm 4	22.069	489
6	Trường THPT Thái Phiên	6,54	Nhóm 4	30.844	557
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	6,14	Nhóm 4	21.007	354
8	Trường THPT Ngô Quyền	6,40	Nhóm 4	19.088	338
9	Trường THPT Ngũ Hành Sơn	6,34	Nhóm 4	16.327	285
10	Trường THPT Nguyễn Trãi	5,95	Nhóm 4	17.896	292
11	Trường THPT Phạm Phú Thứ	7,43	Nhóm 4	16.779	347
12	Trường THPT Phan Thành Tài	6,33	Nhóm 4	18.454	321
13	Trường THPT Tôn Thất Tùng	6,55	Nhóm 4	17.782	323
14	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	6,35	Nhóm 4	16.970	297
15	Trường THPT Thanh Khê	6,99	Nhóm 4	17.722	345
16	Trường THPT Cẩm Lệ	6,78	Nhóm 4	16.292	306
17	Trường THPT Liên Chiểu	8,18	Nhóm 4	13.066	301
18	Trường THPT Võ Chí Công	7,77	Nhóm 4	10.841	236
19	Trường THPT Sơn Trà	7,83	Nhóm 4	13.634	299
20	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	7,67	Nhóm 4	13.481	290
21	Trường THCS-THPT Nguyễn Khuyến	5,84	Nhóm 4	24.820	513
22	Trường THPT Duy Tân	5,75	Nhóm 4	17.470	275
23	Trường THPT Lê Quý Đôn	5,56	Nhóm 4	19.182	291
24	Trường THPT Phan Bội Châu	4,98	Nhóm 4	21.425	290
25	Trường THPT Trần Cao Vân	5,63	Nhóm 4	23.196	357
26	Trường THPT Nguyễn Trãi - Hội An	6,67	Nhóm 4	15.342	282
27	Trường THPT Trần Hưng Đạo	7,14	Nhóm 4	12.368	246
28	Trường THPT Trần Quý Cáp	6,92	Nhóm 4	15.936	306
29	Trường THPT Hoàng Diệu	7,18	Nhóm 4	15.953	319
30	Trường THPT Lương Thế Vinh	7,27	Nhóm 4	21.525	435
31	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	6,95	Nhóm 4	20.902	403
32	Trường THPT Nguyễn Khuyến	7,24	Nhóm 4	15.828	318
33	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	7,19	Nhóm 4	9.590	192
34	Trường THPT Hồ Nghinh	7,97	Nhóm 4	12.105	269
35	Trường THPT Lê Hồng Phong	6,07	Nhóm 4	13.047	217
36	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	5,98	Nhóm 4	13.794	249

Số TT	Tên đơn vị	Phân loại mức tự chủ tài chính		Kinh phí NSNN cấp chi hoạt động thường xuyên năm 2026 (Tr.đồng)	
		Tỷ lệ đảm bảo chi thường xuyên (%)	Nhóm đơn vị	Tổng	Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện CCTL quản lý tập trung tại ngân sách TP
37	Trường THPT Sào Nam	5,55	Nhóm 4	16.082	244
38	Trường THPT Chu Văn An	6,39	Nhóm 4	16.082	311
39	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	7,17	Nhóm 4	15.689	311
40	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	6,61	Nhóm 4	15.785	287
41	Trường THPT Lương Thúc Kỳ	6,48	Nhóm 4	14.434	259
42	Trường THPT Hùng Vương	6,05	Nhóm 4	17.034	283
43	Trường THPT Lý Tự Trọng	6,25	Nhóm 4	9.731	168
44	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	6,32	Nhóm 4	19.476	338
45	Trường THPT Thái Phiên - Thăng Bình	5,54	Nhóm 4	15.944	241
46	Trường THPT Tiểu La	5,51	Nhóm 4	18.234	274
47	Trường THPT Quế Sơn	5,60	Nhóm 4	13.198	202
48	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	5,87	Nhóm 4	15.461	248
49	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	5,53	Nhóm 4	9.719	147
50	Trường THPT Nguyễn Dục	5,18	Nhóm 4	12.269	173
51	Trường THPT Trần Văn Dư	5,21	Nhóm 4	11.907	169
52	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	4,77	Nhóm 4	12.620	163
53	Trường THPT Núi Thành	6,28	Nhóm 4	22.835	394
54	Trường THPT Cao Bá Quát	6,31	Nhóm 4	17.517	305
55	Trường THPT Nguyễn Huệ	6,55	Nhóm 4	18.685	339
56	Trường THPT Nông Sơn	6,49	Nhóm 4	10.611	209
57	Trường THPT Hiệp Đức	6,24	Nhóm 4	12.225	232
58	Trường THPT Trần Phú - Việt An	6,73	Nhóm 4	9.729	200
59	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	6,15	Nhóm 4	15.382	287
60	Trường THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	6,43	Nhóm 4	13.228	258
61	Trường THPT Âu Cơ	6,46	Nhóm 4	6.765	157
62	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	5,04	Nhóm 4	9.280	167
63	Trường THPT Tây Giang	4,88	Nhóm 4	8.301	253
64	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	3,61	Nhóm 4	6.161	137
65	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	3,74	Nhóm 4	12.768	299
66	Trường THPT Tố Hữu	5,71	Nhóm 4	10.103	190
67	Trường THPT Khâm Đức	7,62	Nhóm 4	10.935	303
68	Trường THPT Bắc Trà My	7,79	Nhóm 4	17.793	466
69	Trường THPT Nam Trà My	9,88	Nhóm 4	10.017	429
70	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	2,21	Nhóm 4	35.606	617
71	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	3,12	Nhóm 4	26.367	650
72	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	3,25	Nhóm 4	25.269	649
73	Trường PTDNT THPT Quảng Nam	3,29	Nhóm 4	13.821	306
74	Trường PTDNT THCS&THPT Phước Sơn	3,27	Nhóm 4	9.989	286
75	Trường PTDNT THCS&THPT Nước Oa	3,33	Nhóm 4	10.718	289
76	Trường PTDNT THCS&THPT Nam Trà My	3,43	Nhóm 4	8.477	294
77	Trường Chuyên biệt Tương Lai	1,99	Nhóm 4	13.597	259
78	Trung tâm Hỗ trợ PTGD hòa nhập	2,13	Nhóm 4	13.998	287
79	Trung tâm GDTX Số 1	8,13	Nhóm 4	7.089	104
80	Trung tâm GDTX Số 3	9,35	Nhóm 4	6.873	126

Danh sách trên có tổng cộng 82 đơn vị./.